

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: **Tăng-già-bạt-đa-la** - Việt dịch: **Tỳ kheo Tâm-Hạnh**

**Quyển thứ mười ba
(tiếp theo)**

-ooOoo-

Giới tăng- tàn thứ 8 (Sanghādisesa, 8).

Bấy giờ, đức Phật ở vườn Trúc- lâm (Veluvana), thành Vương- Xá. Có tỳ kheo tên Đạp- bà- ma- la- tử (Dabba Mallaputta). Vườn Trúc- lâm là khu vườn có tre bao bọc rậm rạp. Tre cao mười tám khuy (hattha: cánh tay) (*trung đường 7 - 8 mét - người dịch*), bốn góc vườn có lầu và nhà cửa xinh đẹp, trông xa xa mờ mịt như mây đen, nên gọi là vườn rừng tre, còn gọi là Ca-lan-đa (kalandaka). Nhân duyên về Ca-lan-đa đã được nói ở trước, nên không nói lại.

Đạp-bà là tên vị tỳ kheo, Ma-la-tử là danh hiệu của nhà vua. Vương tử này xuất gia nên có tên Đạp-bà-ma-la-tử. Vị đại đức này xuất gia vào năm bảy tuổi, lúc thế phát, tóc vừa rụng xuống đất thì chứng quả La-hán, đắc tam-đạt-trí, đủ sáu thần-thông, bốn vô-ngại-biện, thông đạt sự hiểu biết của tất cả thanh văn, là bậc số một trong các vị La-hán.

Vào nơi yên tịnh (patisailina) là nơi yên tịnh không ồn ào.

Xuất ra khỏi định, vị ấy tự nói (nghĩ) rằng sự tu tập thiện pháp của ta đã hoàn tất, ta nên làm việc phân phối phòng ỡ và sự ăn uống cho tăng chúng.

Pháp sư nói: - Tại sao vị ấy (nghĩ) ra lời nói ấy? (Vị ấy nghĩ rằng) đây là thân tối hậu, sự tu tập đã đến tận cùng, sẽ nhập Niết-Bàn. Như ngọn đèn để giữa gió, không bao lâu sẽ tắt thì thân này cũng như vậy. Vì chúng tăng, ta sẽ làm việc phân phối phòng ỡ và các sự ăn uống. Sợ dĩ vị ấy làm việc phân phối phòng ỡ và các sự ăn uống cho chúng tăng vì thầy các vị Thiện nam tử tỳ kheo từ xa đến thăm hỏi Thế Tôn mà phòng xá thì chật hẹp, không có chỗ ở (vị ấy suy nghĩ) ta nên dùng thần lực hóa ra phòng ỡ với đầy đủ các vật trang bị như giường, chiếu, chăn, màn, nệm v.v...

Lại nữa, một hôm, vị ấy thấy các tỳ kheo nhỏ tuổi vì cung kính các vị thượng tọa cao đức nên không dám thọ thỉnh (trước quý ngài). Do sự ăn uống bất thường nên các vị này trở nên suy nhược. (Do đó vị ấy suy nghĩ) ta nên làm cho tăng chúng được an lạc, được sống thích nghi và không bị khổ vì ăn uống (thiếu thốn). Thế nên, ta cần phân phối cho họ được bình đẳng.

Pháp sư nói: - Trong ba nghiệp, tại sao đại đức Đạp-bà-ma-la-tử chỉ tu tập theo nghiệp hạ?

Đáp: - Do nguyện lực đời trước của vị ấy tác dụng nên có ý nghĩ ấy.

Hỏi: - Thời quá khứ có Phật hiệu Ba-đầu-vật-đa-la (Padumutara Bhagavant), Đạp-bà-ma-la-tử này sinh trong một gia đình cư sĩ. Bấy giờ, dân chúng trong nước cùng nhau

tổ chức đại hội thỉnh Phật vào nước để thành kính cúng dường. Có sáu vạn tám ngàn tỷ kheo đi theo Phật. Đại hội tổ chức cúng dường như vậy suốt bảy ngày.

Khi ấy, trong đại hội có một tỷ kheo la-hán dùng thần lực của mình để phân phối chỗ ngồi nằm và các món ăn uống.

Thấy vị tỷ kheo la-hán dùng thần lực của mình làm việc như vậy, Đạp-bà-ma-la-tử rất vui mừng, đến gặp đức Phật, đem đầu mặt lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên và thưa rằng: Con nguyện rằng vào thời đức Phật ở tương lai, con được xuất gia học đạo mau chóng quả la-hán và làm việc phân phối phòng xá, vật dụng nằm ngồi và thức ăn uống cho tăng chúng như là thần lực của vị la-hán trong hội này.

Khi ấy, đức Thế Tôn ấy quan sát trong tương lai sự ước nguyện và kết quả của vị thiện nam tử này có thành tựu không?

Sau khi quan sát về tương lai, đức Phật ấy nói với Đạp-ba-ma-la-tử rằng về trăm ngàn kiếp về sau, có Phật hiệu Thích-ca-Mâu-ny (Gotama buddha), con được xuất gia vào năm bảy tuổi, cao tóc vừa rụng rụng đất thì chứng quả A-la-hán, tên là Đạp-bà-Ma-la-tử, có đầy đủ sáu thần thông, và đạt được nguyện này.

Từ đó về sau, Đạp-bà-Ma-la-tử bỏ thí trí giới và được sanh thiên. Sau khi qua đời ở thiên giới, vị ấy sinh xuống cõi người và tiếp tục (lên xuống) như thế cho đến lúc đức Phật Thích-ca ra đời, từ cõi trời (vị ấy) sinh xuống cõi người, xuất gia đắc đạo, sau khi xuất thiên có ý nghĩa như trên, sau khi suy nghĩ liền đến gặp Phật, đem đầu mặt lạy sát chân Ngài và bạch rằng từ nay con xin Thế Tôn hai việc: Một là phân phối bố trí phòng xá cho chúng tăng. Hai là xếp đặt phân phối việc ăn uống trong lễ hội.

Khi ấy, Thế Tôn đáp: lành thay! ông đã diệt hết tham sân si nên có khả năng làm được việc này: ông hãy làm việc phân phối bố trí chỗ ở và bữa ăn cho tăng chúng.

Hỏi: - Tại sao Đạp-bà-Ma-la-tử xin phép Thế Tôn nguyện vọng này?

Đáp: - Vì ngăn chặn những phi báng trong đời tương lai.

Sau khi nhận sắc lệnh của đức Phật, Đạp-bà-ma-la-tử trở về chỗ ở của mình. Thế Tôn thấy (trước rằng) trong tương lai tỷ kheo Từ-Địa (Mettiyabhummajakabhikkhu) nhân việc Đạp-bà-Ma-la-tử được tăng sai phân phòng xá trong hội nên sinh phi báng. Để ngăn sự phi báng nên Thế Tôn bảo các tỷ kheo rằng (các) ông nên thỉnh Đạp-bà-Ma-la-tử làm người phân phòng xá do tăng sai.

Sau khi thỉnh xong, tăng bạch nhị yết ma để sai.

Đồng học là đồng học một pháp-sự cũng gọi là đồng một pháp học. Tỷ kheo nào học kinh thì cùng nhau trải chỗ ngồi và tập trung lại một chỗ. Người nào học A-tỳ-đàm (luận) thì cùng học chung với các vị A-tỳ-đàm. Nếu học luật thì cùng chung với các vị luật. Nếu thuyết pháp thì cùng chung với các vị thuyết pháp. Nếu tọa thiền thì cùng chung với các vị tọa thiền. Tại sao? Vì tránh sự ồn ào. Những người không học gì cả, loại vô ký thì cùng chung với nhau.

Người nói lời vô ký là không tu tập ba nghiệp, ăn rồi lại ngủ, ngủ dậy tắm rửa, rồi cùng nhau bàn bạc những chuyện vô ích của thế gian, làm cho thân thể mập mạp.

Hỏi: - Đạp-bà-ma-la-tử tại sao làm cho những người không ưa gây nghiệp nói chuyện cùng tập trung lại một chỗ?

Đáp: - Làm cho họ chú tâm vào đạo. Nhờ mến chuộng đạo pháp nên được sanh thiên.

Nhập vào tam muội Hóa Quang (Tejodhātu), là thiền thứ tư. Sau khi xuất khỏi định này, đưa ngón tay thứ hai (ngón trỏ) của tay phải phóng ra ánh sáng, trong khoảng khắc danh tiếng vang khắp cả cõi Diêm-phù-đề.

Các Tỳ kheo ở phương xa, muốn đến xem thần lực ấy. Đến nơi, họ nói với Đạp-bà-ma-la-tử rằng: Trưởng lão! Vì chúng tôi, xin Ngài thu xếp cho chỗ ở và bố trí vật dụng nằm ngồi.

Đạp-bà-ma-la-tử hỏi: Các đại đức ưa thích ở trú xứ nào?

Các Tỳ kheo từng người đáp rằng: Tôi thích ở núi Kỳ-xà-quật (gijjhakūta); tôi thích ở tại núi Tuyết.

Lại có người nói rằng tôi thích ở núi Thiên-đạo-sĩ (isigillipassa?), hoặc nói rằng tôi thích ở Uất-đơn-việt (uttarakura).

Với nhiều người như vậy, Đạp-bà-ma-la-tử tùy theo từng vị tỳ kheo mà thu xếp cho chỗ ở và bố trí vật dụng nằm ngồi. Vì thu xếp chỗ ở cho từng vị, Đạp-bà-ma-la-tử phải hóa ra nhiều thân không khác gì bản thân để phục vụ.

Sau khi thu xếp chỗ ở cho các Tỳ kheo xong, Đạp-bà-ma-la-tử trở về chùa Trúc-lâm.

Tỳ kheo Từ-Địa là người đứng đầu trong nhóm sáu tỳ kheo.

Thức ăn dở là không được thức ăn ngon, không chỉ là bị thức ăn dở mà (nhận lấy) chỗ ở vật dụng nằm ngồi cũng thô xấu.

Hỏi: - Tại sao Tỳ kheo Từ-Địa luôn gặp phải chỗ ở xấu và thức ăn dở?

Đáp: - Vì vị này đời trước không tạo phước đức. Lại nữa là vị nhỏ nhất trong tăng chúng nên vị ấy nhận lấy phòng xấu và thức ăn dở.

Thí chủ (dâng) món ăn uống ngon: thí chủ này thường xuyên làm ăn uống thơm ngon dâng cho tăng chúng.

Một hôm, vị thí chủ tốt này vào chùa, đến gặp Đạp-bà-ma-la-tử và hỏi rằng: Đại đức! Ngày mai đến lượt ai nhận sự dâng cúng của đệ tử? Đạp-bà đáp: Đến lượt tỳ kheo Từ-Địa nhận thỉnh.

Nghe báo như vậy, thí chủ này không vui, đi về đến nhà, báo với người giúp việc rằng ngày mai người hãy làm thức ăn cho Tỳ kheo Từ-Địa. ta không biết đến việc ấy, không phải như những bữa dâng thức ăn trước đây hay sau này.

Thí chủ lại báo người giúp việc rằng nếu tỳ kheo Từ-Địa đến, người chỉ dọn chỗ ngồi bên ngoài để dâng cúng mà thôi, không được cho vào trong nhà.

Hôm sau, Tỳ kheo Từ-Địa cùng đồng bạn tụ tập lại một nơi và bàn bạc nhau rằng hôm nay đúng ra chúng ta sẽ được ăn ngon nếu không vì hôm qua thí chủ này đến gặp Đạp-bà và chắc là Đạp-bà nói với thí chủ ấy rằng dọn chỗ ngồi ăn bên ngoài và thức ăn uống dở.

Không có gió mà gió thổi: nơi rất kín mà nổi gió lớn lên.

Lửa trong nước: nguyên tắc thì nước dập tắt được lửa, nay lửa lại từ trong nước cháy ra.

Đức Phật bảo Đạp-bà: - Thầy nhớ là có làm việc ấy không mà nay Tỳ kheo Từ-Địa có nói như vậy?

Đạp-bà đáp: - Chỉ có Thế Tôn biết rõ con, Thế Tôn là bậc Nhất-thiết-trí, con là lậu tận A-la-hán, vậy cần gì con phải nói ra.

Đức Phật lại bảo Đạp-bà: - Thầy không được nói như vậy. Nếu thầy có làm sự việc ấy thì nói có giữa tăng chúng, nếu không làm thì đáp là không giữa tăng.

Pháp sư nói: - Tại sao Thế Tôn không nói thẳng là Đạp-bà vô tội, đây chỉ là lời nói dối của Tỳ kheo ny Từ-Địa?

Đáp: - Vì thương mến chúng sanh cho nên nếu Thế Tôn nói rằng Ta biết Tỳ kheo... phạm Ba-la-di hay là Ngài nói Ta biết ông này phạm Ba-la-di. Nếu có tỳ kheo phạm ba la di tất phi báng Thế Tôn. Vì sao? Họ sẽ cho rằng Thế Tôn tùy thuộc vào thương mến và tức giận; thương mến Đạp-bà nên không nói tội của vị ấy ra và tức giận với ta nên nói tội của ta ra, vậy rõ ràng Thế Tôn không phải là bậc Nhất thiết trí.

Do sự phi báng này, khi chết họ bị đọa địa ngục.

Lại nữa, trong tương lai các Tỳ kheo không có tâm quý, thật có tội mà lại nói vô tội và (nghĩ rằng) Phật không còn tại thế, ai biết được tội của ta. Do đó, đức Phật nói với Đạp-bà rằng nếu thầy có làm thì nói có, không làm thì nói không.

Đạp-bà đáp: - Thật con không có làm dù cho trong giấc mộng cũng không làm việc này.

Diệt tẩn Tỳ kheo ny: diệt tẩn (đuổi luôn) có ba trường hợp:

1. Diệt thân.
2. Diệt không cho ở chung.
3. Diệt phạt.

Diệt thân nghĩa là diệt (đuổi) người đã hành động (gây tội). Gọi là diệt thân.

Diệt không cho sống chung nghĩa là nếu phạm tội mà không chịu sám hối, không bỏ ác kiến gọi là diệt (đuổi) không cho sống chung.

Diệt phạt (trừng trị) nghĩa là ông chỉ gây tội là tự nhiên bị diệt (đuổi) (chứ không cần phải xử). Đây là diệt phạt.

Trong ba tội trên, Tỳ kheo ny Từ địa bị tội diệt thân.

Phật bảo các Tỳ kheo rằng: Các thầy hãy diệt tẩn tỳ kheo ny Từ-Địa.

Pháp sư nói: - Tỳ kheo ny Từ-Địa này thanh tịnh nhưng bị người khác sai bảo nên (gây ra sự) vu báng như vậy. Người dạy đáng lý bị diệt tẩn, vì sao Thế Tôn lại bảo diệt tẩn tỳ kheo ny Từ-Địa?. Tỳ kheo ny ấy bị đuổi vì (cô ấy gây ra) sự vu báng hay do sự phạm tội? Nếu cô ấy bị đuổi vì phạm tội thì Đạp-bà-ma-la-tử cũng phải có tội (vì tội tương này phải có hai người). (Trường hợp này) Cô ta bị đuổi vì vu báng nên Đạp-bà vô tội. Trong luật có nói rằng tỳ kheo nào đem pháp Ba-la-di không căn cứ (Amulaka parājika) vu báng cho Tỳ kheo khác, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ kheo nào đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ kheo ny, phạm Đột-cát-la. Tỳ kheo ny vu báng cho Tỳ kheo thì cũng vậy. Như thế, Tỳ kheo ny Từ-Địa chỉ phạm tội Đột-cát-la, còn nói dối thì chỉ phạm Ba-dật-đề.

Pháp sư nói rằng đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho tỳ kheo thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, chứ không phải tội Ba-dật-đề. Tỳ kheo ny Từ-Địa phạm tội Đột-cát-la chứ không phải phạm tội Ba-dật-đề. Sở dĩ đuổi tỳ kheo ny Từ-Địa vì cô ta tự nói chính mình phạm tội (ba la dy).

Sau khi Thế Tôn đứng dậy đi vào thiền phòng, các Tỳ kheo ny bắt Từ-Địa bỏ pháp phục và tìm y phục thể tục cho cô ấy mặc, đuổi ra khỏi chùa.

Thấy Tỳ kheo ny Từ-Địa bị đuổi, Tỳ kheo Từ-Địa nói với chúng tăng rằng vì tôi tức giận nên bảo tỳ kheo ny ấy vu báng, đó là tội của tôi, chứ không nên đuổi Tỳ kheo ny Từ-Địa.

Tức giận là bỏ mất tâm thiện.

Không hoan hỷ là do tức giận nên không còn hoan hỷ. Tâm không hoan hỷ này còn gọi là tâm cấu bẩn.

Ba-la-di không căn cứ: Ba-la-di này không có thật.

Vu báng là đối với sự việc này không thấy, không nghe, không nghi (Adittha, Asuta, Aparisankita).

Không thấy là không chính mình thấy bằng mắt thịt, cũng không thấy bằng thiên nhãn.

Không nghe là không nghe người khác (nói).

Không nghi là không có tâm nghi ngờ.

Có trường hợp nghi vì thấy: Có Tỳ kheo đi vào trong bụi cây cỏ ở ngoài thôn xóm, bên cạnh cũng có cô gái đi vào đám cỏ ấy. Tỳ kheo đi ra trước, sau đó người nữ đi ra nhưng cả hai đều không biết gì cả. Có Tỳ kheo khác thấy vậy nên sinh nghi ngờ, suy nghĩ rằng lẽ nào hai người ấy không có ý phi pháp? Đây gọi là nghi ngờ vì thấy.

Nghi vì nghe: Nghe tiếng nói của tỳ kheo và người nữ trong bóng tối, nhân đó sinh nghi. Đây gọi là nghi vì nghe.

Nghi vì nghi: Có đàn ông và đàn bà đem thức ăn vào chùa. Sau khi viếng cảnh, đi chơi, họ đi về và để lại tại chỗ thức ăn uống thừa vung vãi dơ bẩn, chưa dọn sạch. Sáng hôm sau, có Tỳ kheo khách đến, vào chùa thấy chỗ (dơ bẩn) này nên có ý nghi ngờ và khi đến gặp Tỳ kheo cựu trú, thấy vị này có mùi thơm. Do đó, Tỳ kheo khách lại nghi rằng chắc là đem qua tỳ kheo này cùng phụ nữ ăn uống, cùng nhau làm việc dâm dục phi pháp. Đây gọi là nghi vì nghi.

Tỳ kheo Từ-Địa không thấy, không nghe, không nghi mà làm việc phi báng nên gọi là vu báng bằng pháp Ba-la-di không căn cứ.

Vu báng là muốn làm cho Tỳ kheo kia bị thối đọa đối với pháp thanh tịnh. Nếu ai nói (vu báng với người khác) rằng ông đã bị tội Ba-la-di thì (người nói) phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu sai người vu báng, mỗi lời nói đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu đưa thư nói về chuyện này, người đưa thư không có tội.

Vu báng có bốn trường hợp: 1- Giới báng; 2- Uy nghi báng; 3- Tà kiến báng; 4- Ở hoạt báng.(Catubbidā codanā: 1. Silavipatti; 2.Acàravipatti; 3. Ditthivipatti; 4. Ajjavipatti).

Hỏi: - Giới báng là gì?

Đáp: - Đem từng pháp trong bốn pháp Ba-la-di, 13 pháp tăng tàn để vu báng, gọi là giới báng.

Ngoài ra, vu báng bằng hai pháp bất định, (cho đến) 90 Ny-tát-kỳ, pháp chúng học thì gọi là uy nghi báng.

Tà kiến báng như nói rằng thấy (họ) nói thân này có ngã, có tự ngã. Đây gọi là tà kiến báng.

Ồ hoạt báng: như nói rằng thấy (họ) dựa vào sự giữ giới để mong cầu lợi dưỡng. Đây gọi là ồ hoạt báng.

Lại có 4 loại vu báng khác (Vatthusandassanà, àpatti- sandassanà, samvāsapatikkhepa, sāmīpatikkhepa): Hiện xử, hiện tội, bất đồng trú, bất cộng pháp sự.

1. Hiện xử (như nói rằng) ông cùng người nữ làm việc dâm dục. Đây gọi là hiện xử.
2. Hiện tội (như nói rằng) ông phạm trọng tội. Đây gọi là hiện tội.
3. Bất đồng trú (như nói) không ở chung với ông một trú xứ nữa. Đây gọi là bất đồng trú.
4. Bất cộng pháp sự: không cùng bố tát, kiết giới, tụng kinh, và các yết ma khác, (như nói rằng) ông đã phạm trọng tội, chẳng còn là sa môn, chẳng còn là Thích tử.

Nếu nói những lời trên thì bị tội. Nếu người bị vu báng nói rằng tại sao ông không làm lễ tạ?

Đáp: - Ông không phải là sa môn, không phải là Thích tử.

Nếu ai đáp lời như vậy thì phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói rằng pháp sư hãy tự biết lấy, cần gì tôi nói ra. Nói lời như vậy thì chưa phạm tội.

Pháp sư nói: - Người vu báng và người bị vu báng sẽ nói rõ ở sau.

Người vu báng cùng nhau đến trước Tăng chúng và bạch rằng xin các đại đức vì chúng con mà hoan hỷ phán xử sự việc này, chúng con cũng hoan hỷ phụng hành. Như vậy thì chúng Tăng nên phán xử vụ này.

Nếu họ nói rằng vì tôi, chúng Tăng hãy phán xử vụ này, chớ đình trệ, nếu làm như vậy, tôi sẽ thọ trì, nếu không làm như vậy thì tôi không thọ trì.

Nếu họ nói như vậy, chúng Tăng nên báo với người (vu) báng rằng ông hãy lễ Phật và thuyết pháp cho họ, sau đó sẽ phán xử việc này cho ông. Nếu sự việc kéo dài đến tối, người có tội nói với chúng Tăng rằng trời đã tối, tôi phải trở về chỗ ở.

Chúng Tăng đáp: - Lành thay.

Sau khi nghỉ ngơi, sáng hôm sau, họ lại đến giữa Tăng xin phán xử việc này. Chúng Tăng đáp rằng tạm trở về đi. Như vậy đến ba lần, sau ba lần tâm họ đã mềm mỏng hàng

phục thì Tăng nên đem việc này ra phán xử.

Tuy họ thỉnh đến ba lần nhưng tâm họ vẫn còn cương cường, lời nói ngang bướng thì chúng Tăng nên nói với họ rằng chỗ này có ít luật sư, không thể phán xử việc này cho ông được, ông hãy đi đến chùa khác cầu xin phán xử.

(Nếu họ đến chùa khác) chúng Tăng (ở đó) nên hỏi rằng ông đã cầu xin với Tăng chưa?

Đáp: - Đã cầu xin và Tăng dạy tôi đến chỗ này.

Chúng Tăng nói: - Nếu như vậy, chỗ này cũng không có luật sư, hãy đến tìm ở chùa khác.

Như vậy, đi tìm cầu khắp nơi mà không được, tâm họ trở nên mềm mỏng hàng phục, trở về chỗ cũ bạch với Tăng rằng: chúng tôi đến khắp nơi cầu xin với Tăng chúng nhưng không có người phán quyết, xin đại đức phán xử việc này cho và chúng tôi hoan hỷ phụng hành.

Chúng Tăng nên y theo pháp mà phán xử. Tăng hỏi người bị vu báng rằng ông có làm việc ấy không và chúng Tăng nên tác bạch yết ma, hòa hợp đập tắt sự tranh cãi này.

Nếu kẻ không có tâm quý vu báng cho người có tâm quý; người bị vu báng có trí tuệ, kẻ vu báng không trí tuệ cùng đến gặp Tăng thì Tăng phải tra hỏi tận cùng sự việc này. Gặp tỷ kheo ngu si đối đáp sai lầm, Tăng nên báo rằng ông không biết không hiểu gì, tại sao lại vu báng cho người. Ông hãy cùng nhau hòa hợp với họ mà trở về, chớ nên đưa việc này ra nữa.

Nếu người vu báng có trí tuệ, đem tội thấy, nghe, nghi ra trả lời giữa Tăng thì chúng Tăng nên tra hỏi người bị vu báng. Nếu họ có tội thì chúng Tăng nên trị phạt. Nếu không có tội thì chúng Tăng nên báo các ông hãy tự trở về đi.

Nếu người có tâm quý vu báng cho người không có tâm quý, nhưng người vu báng lại ngu si và đến tùy thuận với Tăng, Tăng nên phương tiện hỏi họ rằng ông chê bai họ ở điểm nào, về giới luật hay về oai nghi.

Pháp sư nói: - Tại sao với người có tâm quý thì dạy và không dạy với kẻ chẳng có tâm quý? Như vậy chúng Tăng cũng tùy thuộc vào thương, giận, sợ, si mê?

Đáp: - Không phải như vậy, vì sao? Chỉ vì muốn làm cho kẻ không tâm quý phải hàng phục và người có tâm quý được sống an lạc. Nếu dạy kẻ không biết tâm quý (mà họ) có thể lực thì (làm cho) pháp ác phát triển. Người có tâm quý mà không có thể lực thì không thể sống an lạc được. Do đó, Tăng không dạy cho kẻ không tâm quý.

Nếu kẻ phi báng và người bị phi báng đều có tâm quý thì chúng Tăng nên ôn hòa thuyết pháp giáo hóa cho họ rằng các vị gây xích mích nhau, nên sám hối với nhau. Các vị nên hòa hợp trở lại và sống chung.

Nếu họ gây ra việc phi báng nhau, chúng Tăng đã dạy bảo giải hòa đến ba lần mà họ không chịu từ bỏ thì chúng Tăng phải y theo pháp để phán quyết.

Pháp sư hỏi: - Pháp trị phi báng là đầu, giữa hay cuối?

Đáp: - Trước tiên tiến hành (yết ma) cầu thỉnh. Tiếp theo là tùy thuận hoàn toàn với Tăng, đó là giữa. Nếu có tội hay vô tội, Tăng tùy theo đó mà diệt, đó là cuối.

Hỏi: - Pháp (xử) phi báng có bao nhiêu căn, bao nhiêu địa?

Đáp: - Phi báng có hai căn, ba xứ, năm địa.

Hai căn là pháp vu báng có căn cứ và không có căn cứ.

Ba xứ là thấy, nghe và nghĩ.

Năm địa (cơ sở) là: 1) Đúng thời gian; 2) Đúng sự thật; 3) Không vì tức giận mà là thương mến; 4) Đem đến lợi ích; 5) Không tùy thuộc vào sự duyên ái và sợ hãi. Đây là năm cơ sở để phán quyết.

Được hỏi hay không được hỏi, (người nào đã dùng) pháp Ba-la-di vô căn cứ để vu báng rồi, (sau đó) được Tăng chúng hỏi (về sự việc ấy) hay hai, ba, hay một người hỏi, hay ở giữa Tăng tự nói tội ấy ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Pháp sư nói: - Tranh cãi có bốn trường hợp mà bắt đầu là nói với nhau. Tranh cãi là ý nghĩa gì?. Vì làm chứng cho tội nên (gây ra) sự tranh cãi nên gọi là tranh cãi.

Hỏi: - Tranh cãi nhau bằng lời lẽ này là thiện, ác hay vô ký?

Đáp: - Có cả thiện, ác và vô ký. Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Thiện là bàn luận bằng giáo pháp. Bất thiện (ác) là bàn luận bằng phi pháp. Bàn luận không bằng giáo pháp hay phi pháp thì gọi là vô ký.

Pháp sư nói: - Ngoài ba sự tranh cãi này ra, ở sau sẽ giải thích rõ.

Nếu (báng bỏ tỳ kheo) bằng lời lẽ như: người là Sa-di, người là Ưu-bà-tắc, người là ngoại đạo, người là Ny-kiền-từ, người là hoàng môn, người là người hai căn, người là súc sanh, người giết cha, người giết mẹ, người giết A-la-hán, người phá hòa hiệp Tăng, người làm thân Phật chảy máu; bắt đầu với những câu trên (để vu báng thì) phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hồ nghi là nghi ngờ do thấy, nghe. Nghi ngờ là tâm phân vân không xác định, cũng gọi là quên mất sự việc trước đó đã xảy ra lúc nào, ngày nào.

Pháp sư nói: - Các câu văn khác dễ hiểu. Tỳ kheo nào dùng pháp Ba-la-di không căn cứ để vu báng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; dùng pháp Tăng-già-bà-thi-sa vu báng thì phạm Ba-dật-đề; dùng pháp uy nghi để vu báng thì phạm Đột-cát-la.

Nếu vì sân hận mà vu báng (bằng pháp tăng tàn) không hiện tiền, phạm Ba-dật-đề. Nếu vu báng bằng pháp uy nghi không hiện tiền, phạm Đột-cát-la.

Các trường hợp không phạm:

- Người phạm giới này đầu tiên.
- Khi chưa chế giới.
- Tâm điên cuồng loạn.
- Bị khổ não ràng buộc.

Giới này phát sinh từ thân và tâm, trong luật bản nói rằng thân nghiệp có cả khẩu ý nghiệp, là tánh tội.

Hết phần giải thích giới vu báng.

Giới Tăng Tàn 9 (Sanghādisesa 9)

Khi ấy, đức Phật ở vườn Trúc Ca-Lan-đà, thành Vương Xá.

Đang từ trên núi Kỳ-Xà-Quật đi xuống, thấy con dê đang hành dâm, Tỳ kheo Từ-địa nói với các bạn rằng chúng ta gọi con dê đực này là Đạp-bà-ma-la-tử, gọi con dê cái này là Tỳ kheo ny Từ-Địa.

Các Tỳ kheo đáp: Lành thay! Ta lấy sự việc này để phi báng Đạp-bà-ma-la-tử, hẳn phải bị thua vì việc này.

(Nói xong) họ cùng nhau vui mừng, kéo đến gặp Tăng chúng và bạch rằng: chúng tôi thấy Đạp-bà-ma-la-tử cùng tỳ kheo ny Từ-Địa làm việc dâm dục. Nghe Tỳ kheo Từ-địa nói như vậy, chúng Tăng liền tập họp Tăng lại để cùng nhau phản xử việc này.

Tăng hỏi tỳ kheo Từ-địa: - Thầy hãy xác định thấy Đạp-bà-ma-la-tử cùng tỳ kheo ny Từ-Địa cùng nhau làm việc dâm dục ở nơi nào?

Đáp: - Từ núi Kỳ-xà-quật đi xuống để vào làng khát thực, giữa đường chúng tôi gặp Đạp-bà-ma-la-tử cùng tỳ kheo ny Từ-địa cười nói đùa giỡn.

Chúng Tăng hỏi Đạp-bà-ma-la-tử: - Khi ấy thầy ở đâu?

Đạp-bà-ma-la-tử đáp: - Ở trong tinh xá Trúc Lâm.

Hỏi: - Thầy đang làm gì?

Đáp: - Đang phân phối việc ăn uống cho chúng Tăng.

Hỏi: - Ai biết việc này?

Đáp: - Chúng Tăng thấy và biết

Lời hỏi ở đây là tác bạch yết ma hỏi chúng Tăng rằng lúc ấy, giờ ấy (Tăng) có xác định là thấy Đạp-bà-ma-la-tử đang phân phối sự ăn uống cho chúng Tăng không?

Chúng Tăng đáp: thật có thấy (vị này) đang phân phối thức ăn cho Tăng. Chúng Tăng lại hỏi Tỳ kheo Từ-địa rằng: lời nói của ông không phù hợp, vậy là phương tiện chứ không phải chân thật.

Được chúng Tăng hỏi ba lần như vậy, Tỳ kheo Từ-Địa đáp: đúng là phương tiện.

Chúng Tăng quở trách tỳ kheo Từ-địa rằng tại sao đem phần sự việc khác (nhưng giống nhau) mà gán cho Đạp-bà?

Hỏi: - Phần sự việc khác là gì?

Đáp: - Phần sự việc khác, như Đạp-bà là người, con dê chẳng phải người, vậy mà đem con dê gán cho Đạp-bà nên gọi là phần sự việc khác. Đem con dê cái gán cho tỳ kheo ny Từ-địa, cũng gọi là phần sự việc khác. Tại sao? Vì (hai) sự việc ấy giống nhau. Do đó, trong luật nói rằng nếu dùng một chi tiết hay giống chi tiết. Các câu văn tiếp theo dễ hiểu, không cần giảng giải. Như vậy gọi là phần sự khác.

Cùng họ, có một tỳ kheo thuộc dòng họ Sát-lợi (Khattiya) xuất gia. Thấy người Sát-lợi hành dâm, tỳ kheo khác vu báng tỳ kheo họ Sát-lợi này rằng thầy phạm Ba-la-đi. Chúng Tăng hỏi rằng ông thật có thấy tỳ kheo Sát-lợi này hành dâm không?

Đáp: - Thật thấy.

Cứ mỗi lời nói là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Đối với tướng mạo, tên, nhà cửa, thấy của người này nói vu báng qua người kia, phạm hay không phạm được nói ở trước.

Các trường hợp vô tội: thật thấy có phạm, người phạm đầu tiên, lúc chưa chế giới này, điên cuồng, tâm loạn, bị khổ não trôi buộc thì không phạm.

Hết phần giải thích về giới vu báng thứ hai.

Pháp Tăng tàn thứ 10 (Sanghàdisesa 10)

Khi ấy, đức Phật ở tinh xá Trúc-Lâm, thành Vương Xá. Đây là giới phá hòa hợp Tăng.

Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đi đến gặp Câu-ca-lị-ca, Nhứt-thác-vô-ca-lị, Kiền-đà-tỳ-da-từ, Bà-vật-đa (Kokalika, Kata-morakatinsaka, Khandadeviyaputta, Samuddadatta) và nói rằng: này các trưởng lão, chúng ta hãy cùng nhau phá hòa hợp Tăng (Sanghabheda) và uy đức của Như Lai.

Về nhân duyên phá hòa hợp tăng sẽ được nói trong Kiền-đà-ca ở sau.

Lành thay đại đức, là lời nói cầu xin, mong rằng tất cả các tỳ kheo trọn đời giữ (quy định là) sống ở nơi A-lan-nhã. Đây là thọ pháp Đâu-đà (dhuta). Tỳ kheo nào trở về sống trong chỗ (có) làng xóm thì phạm tội. Xin đức Thế Tôn kết giới như vậy cho các tỳ kheo. Bốn pháp khác cũng như vậy.

Chúng ta hãy làm cho người khác biết rằng chúng ta ít muốn và biết đủ để (họ) phát thiện tâm lớn (đối với ta).

Nghe Điều-đạt xin (ban hành) năm pháp để phá hòa hợp Tăng, đức Phật suy nghĩ rằng người này vì lợi dưỡng, chắc phải bị đọa địa ngục. Và Ngài suy nghĩ rằng nếu Ta chấp thuận năm pháp này với Điều-đạt, sẽ có nhiều thiện nam tử xuất gia phải thọ trì pháp này thì sự hành đạo gặp phải khó khăn.

Thế nên trong luật nói rằng (đức Phật bảo:) thôi thôi này Điều-đạt! chớ nên đặt ra pháp này. Thiện nam tử nào tùy theo sở thích có thể ở A-lan-nhã hay vùng làng xóm, đều không chương ngại đạo tu tập.

Đối với các pháp đầu đà như khát thực, lượm y phục phần tảo (pamsukūla) để dùng, ở dưới gốc cây suốt nửa tháng (ngày thứ 15 phải gặp Tăng bố tát ở tinh xá - người dịch), không ăn cá thịt. Phật dạy rằng ngoài ba trường hợp nghi thì được ăn (cá thịt). Ba trường hợp nghi là:

1. Thấy (giết vì mình)
2. Nghe (giết vì mình)
3. Nghi (giết vì mình)

Thế nào là thấy? Thấy người thí chủ sát sanh để (dâng cho) tỳ kheo.

Thế nào là nghe? Nghe thí chủ sát sanh để (dâng cho) tỳ kheo.

Thế nào là nghi? Nghi thí chủ sát sanh để (dâng cho) tỳ kheo.

Trường hợp nghi vì thấy. Thế nào là nghi vì thấy? Từ A-lan-nhã tỳ kheo đi vào làng khất thực, trên đường đi gặp những người thế tục vào rừng săn bắn. Sáng hôm sau, trong làng tổ chức đại hội. Các tỳ kheo được nhận thịt trong hội này nên suy nghĩ rằng hôm qua thấy các thí chủ đi săn, hay là thịt này do cuộc săn bắn ấy mà có. Đây gọi là nghi do thấy, không được ăn.

Nếu đàn việt nói rằng: tôi đi săn cho vua hay cho bản thân chứ không phải vì (để dâng cho) tỳ kheo, đại đức hãy ăn đi. Trường hợp này được ăn không có tội.

Nghi vì nghe, tỳ kheo ở nơi A-lan-nhã, nghe trong làng đi săn bắn để tổ chức hội. Có đàn việt thỉnh tỳ kheo ăn (thịt trong hội), tỳ kheo có tâm nghi ngờ mà ăn thì bị tội.

Nếu đàn việt nói rằng tôi đi săn cho mình chứ không phải vì tỳ kheo. Nếu (họ nói) như vậy thì được ăn không bị tội. Đây là nghi vì nghe.

Nếu tỳ kheo không thấy, không nghe, không nghi (con vật bị) giết vì (mình) thì ăn không có tội.

Có trường hợp thấy mà được ăn. Thế nào là thấy mà được ăn? Nếu thấy người giết vật nhưng không phải vì (giết) cho tỳ kheo mà sau đó nếu được thịt ấy ăn thì vô tội. Đây gọi là thấy giết được ăn, không có tội.

Nghe, chính tỳ kheo nghe tiếng giết nhưng không phải (giết) vì tỳ kheo mà sau đó tỳ kheo được thịt này thì được ăn, vô tội. Đây gọi là nghe.

Nghi mà được ăn thịt, vô tội. Nghi, như trường hợp tỳ kheo vào làng khất thực, thấy thịt còn tươi nên nghi ngờ không dám nhận lấy. Nếu đàn việt nói không phải vì tỳ kheo mà giết thì được ăn, vô tội. Đây gọi là nghi mà được ăn.

Nếu đàn việt giết (con vật) vì tỳ kheo nhưng tỳ kheo không thấy, không nghe, không nghi thì được ăn, vô tội. Trường hợp đàn việt thỉnh hai người cùng thọ thực. Vị hạ tọa suy nghĩ rằng (món ăn) này chắc là giết vì thượng tọa, không phải vì ta nên ăn vô tội. Thượng tọa suy nghĩ đây chắc là giết vì hạ tọa chứ không phải vì ta, ta ăn vô tội. Trường hợp này, cả hai đều nghi (giết) vì người kia, cả thượng và hạ tọa đều nghi và cùng ăn, vô tội. Nếu người giết con vật vì tỳ kheo, tỳ kheo không biết, ăn xong mới biết thì vô tội.

Nếu tỳ kheo nhận được thịt để ăn, nên hỏi rõ rồi sau đó mới ăn. Tại sao? Vì muốn phân biệt (thịt) tịnh và (thịt) bất tịnh để ăn. Lại nữa, thịt gấu và heo giống nhau, không chỉ thịt gấu và heo mà có các loại thịt khác cũng giống nhau, thế nên phải hỏi rõ.

Vui mừng hơn hờ: Xin (ban hành) năm pháp, không được Thế Tôn chấp thuận, Điều-đạt vui mừng suy tính: Lúc này, chắc chắn ta phá được hòa hợp Tăng.

Nghe nói xong, Câu-la-lị rất buồn khổ như uống phải thuốc độc. Điều-đạt giáo hóa đồng bạn bằng lời lẽ như: tại sao bạn lại buồn khổ, xuất gia cầu đạo cần phải tinh tấn, sa môn Cù Đàm cũng có pháp này nhưng không (bắt phải) giữ suốt đời, chúng ta lại gìn giữ suốt đời pháp này, tại sao phải buồn khổ. Nghe báo như vậy những người cùng phe vui mừng tuân theo.

Pháp sư nói rằng kẻ ngu si Điều-đạt đã hướng về địa ngục A-tỳ mà không hiểu, không biết nên lễ Phật từ già. Sau đó, Điều-đạt trở lại gặp Câu-la-lị và nói rằng tội cùng các bạn thì hành năm pháp này và làm cho mọi người biết rằng chúng ta ít muốn biết đủ.

Kẻ nhiều tham dục không biết nhàm chán là kẻ nhận y phục, thực phẩm một cách vô độ.

Điều Đạt bảo với đồng bạn rằng sa môn Cù Đàm thường suy nghĩ rằng: "Làm sao để cho đệ tử Thanh văn của ta được y phục thực phẩm mà không bị phiền phức". Đây chính là người ham muốn nhiều, không biết đủ.

Đức Phật bảo Điều Đạt rằng thầy không nên ưa thích pháp này để phá hòa hợp Tăng, đây là tội nặng. Nếu chúng Tăng hòa hợp như nước hòa với sữa (thì) sống an lạc. Ai phá hoại chúng Tăng như vậy thì phải chịu đau khổ một kiếp trong địa ngục A tỳ. Tăng bị phá, nếu ai làm cho hòa hợp lại thì được sống hoanh hỷ trên trời một kiếp, hưởng thụ phước báo cõi Phạm thiên.

Bằng nhiều cách, các tỳ kheo thuyết pháp cho Điều Đạt. Nghĩa là thấy Điều Đạt phá hòa hiệp Tăng nên các tỳ kheo thiện bằng nhiều cách giáo hóa làm cho vị này cởi mở, cùng với Tăng hòa hợp cả thân và tâm như nước hòa với sữa.

Đồng tâm nghĩa là tâm cùng đồng theo một pháp. Đồng thân nghĩa là thân cùng nhau hòa hợp một (nơi) bố tát.

Thế nào là không đồng thân? Là tuy cùng ở một chỗ nhưng tâm lại tuân hành theo pháp bên ngoài. Đây gọi là thân hình tuy đồng mà tâm bất đồng.

Cổ giữ không bỏ là cổ giữ việc phá hòa hợp Tăng chứ không bỏ. Đây gọi là việc cổ giữ.

Các tỳ kheo can gián tỳ kheo này nghĩa là các tỳ kheo có tâm tâm quý can gián các tỳ kheo kia rằng đừng phá hòa hợp Tăng, hãy cùng sống chung với Tăng. Các tỳ kheo nên can gián ba lần, nếu họ từ bỏ thì tốt, nếu họ không từ bỏ thì can gián lần thứ nhất mà không bỏ, bị tội Đột-cát-la. Can gián lần thứ hai mà không bỏ, bị tội Thu-lan-giá. Can gián lần thứ ba mà không bỏ, bị tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Can gián bên ngoài, các tỳ kheo nghe (có người) sắp phá hòa hợp Tăng, đi đến gặp họ và can rằng: trưởng lão, đừng phá hòa hợp Tăng, nếu phá thì bị (tội) rất nặng. Họ từ bỏ thì tốt, nếu không từ bỏ thì nắm tay họ đưa đến giữa Tăng và nói rằng ông không nên phá hòa hợp Tăng, can ba lần như vậy. Lúc bên ngoài dùng lời nhu hòa can gián ba lần, đưa đến giữa Tăng cũng dùng lời nhu hòa can gián ba lần mà họ không chịu nghe theo, đều phạm tội Đột-kiết-la. Họ từ bỏ thì tốt, nếu không từ bỏ thì phải tác bạch tứ yết ma để can gián. Nếu bạch yết ma mà không bỏ thì phạm tội Đột-kiết-la. Nếu yết ma lần thứ nhất mà không bỏ thì phạm thu-lan-giá. Nếu yết ma lần thứ hai mà không bỏ thì cũng phạm tội thu-lan-giá. Nếu yết ma lần thứ ba mà không bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: - Khi yết ma lần thứ ba, phạm tăng-tàn vào lúc bắt đầu, đoạn giữa hay đoạn cuối?

Đáp: - Phạm tội vào đoạn cuối cùng. Người phạm đầu tiên là Điều Đạt.

Hỏi: - Các giới khác thì người đầu tiên không bị tội, như vậy Điều Đạt cũng không phạm?

Đáp: - Bởi vì vị ấy được Tăng can gián ba lần mà không từ bỏ cho nên phạm tội.

Pháp sư nói: - Những câu văn tiếp theo dễ hiểu, không cần phải giải thích. Giới này đủ cả ba hành động của thân, miệng, ý và thọ khổ thuộc ý nghiệp.

Hết phần giải thích pháp phá hòa hợp Tăng.

Pháp Tăng tàn 11 (Sanghādisesa 11)

Bấy giờ, đức Phật ở tinh xá Trúc Lâm, thành Vương Xá. Trong giới này nói về phá hòa hợp tăng. Hỗ trợ người phá tăng nghĩa là ưa thích chấp nhận và làm theo pháp của người phá Tăng.

Biệt chúng (Pakkha) là không (cùng với Tăng chúng) bỏ tất, thuyết giới, tự tứ để hỗ trợ việc phá hòa hợp tăng và để tăng không được cường thịnh.

Câu chúng ta hãy chịu đựng và biết rõ nghĩa là đối với lời nói của họ, chúng ta đều phải chịu đựng và biết rõ.

Các trưởng lão, đừng hỗ trợ việc phá hòa hợp Tăng, phải hỗ trợ cho tăng hòa hợp. Tăng hòa hợp hoan hỷ không tranh cãi như nước với sữa. Các câu khác giống như vẫn ở giới phá Tăng ở trước.

Hết phần về giới phá tăng thứ hai.

Pháp Tăng tàn thứ 12 (Sanghādisesa 12)

Bấy giờ, đức Phật ở trong vườn Cù tư đa, thuộc Câu sam tỷ da. Đây là giới kẻ hung dữ không nghe dạy.

Câu hành động xấu: có các hành động xấu ác của thân và miệng.

Trưởng lão, tại sao nói với tôi như vậy: đây là lời nói kiêu ngạo.

Pháp sư nói: - Tôi sẽ giải thích ý nghĩa này. Đây là tỳ kheo có tánh xấu ác, không nghe lời dạy bảo của các tỳ kheo (mà còn nói lại rằng) các ông không nên dạy tôi, mà tôi phải dạy lại các ông. Tại sao? Đức Phật là Phật của gia (tộc) tôi. Tại sao? Tôi và (ngựa) Kiên trắc (Kanthaka) đưa Phật vào núi học đạo. Không thấy có một người nào trong các trưởng lão theo hầu hạ Ngài. Sau khi đắc đạo rồi đức Phật chuyển pháp luân. Do đó Phật là Phật của gia tộc tôi, pháp cũng là pháp của gia tộc tôi. Vì vậy tôi phải dạy các trưởng lão chứ các vị không được dạy ngược lại tôi.

Pháp sư nói: - Tại sao tỳ kheo Xiển-na không nói Tăng là tăng của gia tộc tôi? Bởi vì đang cùng tăng tranh cãi nên vị ấy không nói tăng là tăng của gia tộc tôi. Các trưởng lão, như vào mùa thu, lá cây rơi xuống đất, bị gió thổi tụ lại một nơi. Lại như bè nổi trên mặt nước, bị gió làm tập trung lại một chỗ. Cũng vậy, các trưởng lão với nhiều chủng tộc xuất gia, khi vào Phật pháp cũng vậy. Do đó, nay các trưởng lão, không dạy tôi và tôi phải dạy các trưởng lão.

Tự thân làm, không cùng nhau nói chuyện: được các tỳ kheo đồng học đem pháp Biệt biệt giải thoát ra răn dạy nhưng vì ngạo mạn nên không nghe lời dạy ấy.

Hãy nói chuyện với nhau: đối với pháp Biệt biệt giải thoát, hãy cùng nhau thuyết giới, cùng nhau xuất tội, nhờ vậy được tăng thịnh trong Phật pháp. Các câu vẫn tiếp theo để hiểu.

Hết phần giải thích giới tánh xấu (không nghe can gián).

Chú Giải Luật Thiện Kiến

- Quyển 13 -

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 10-02-2001